

Nghiên cứu này thực hiện đối sánh giữa các quy định về thanh khoản của Việt Nam và quy định của Basel III nhằm đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chuẩn Basel III về thanh khoản. Thực hiện việc đối sánh chỉ tiêu khả năng chi trả trong 30 ngày và tỷ lệ dự trữ thanh khoản theo quy định của Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 với chỉ tiêu tỷ lệ đảm bảo thanh khoản, tỷ lệ quỹ bình ổn ròng theo tiêu chuẩn Basel III, kết quả nghiên cứu cho thấy, tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày chưa đáp ứng Basel III vì chưa tính đến rủi ro của tài sản và rủi ro của dòng tiền, còn tỷ lệ dự trữ thanh khoản có ý nghĩa và mục tiêu khác với tỷ lệ quỹ bình ổn ròng hay nói khác đi là tỷ lệ quỹ bình ổn ròng chưa được đề cập đến trong quy định hiện nay ở Việt Nam.

1. Giới thiệu

Basel II được chính thức đưa vào áp dụng từ năm 2006 với kỳ vọng sẽ giải quyết được những rủi ro mới xuất hiện trong ngành Ngân hàng. Tuy nhiên, sự sụp đổ của các ngân hàng trong cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2007-2008 cho thấy Basel II chưa bao quát hết các khả năng rủi ro, chưa đánh giá đúng sức khỏe cũng như các khiếm khuyết trong quản trị rủi ro của các ngân

* Trường Đại học Kinh tế - Luật

ĐỐI SÁNH TIÊU CHUẨN THANH KHOẢN CỦA VIỆT NAM VỚI BASEL III

TS. Hoàng Công Gia Khánh *



Để hệ thống ngân hàng Việt Nam đáp ứng tốt hơn các tiêu chuẩn thanh khoản, cần sớm triển khai sửa đổi quy định về tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày theo hướng tiệm cận với tiêu chuẩn Basel III

hàng. Tháng 7/2009, Ủy ban Basel ban hành quy định nhằm tăng cường vốn và giám sát an toàn vốn trong khuôn khổ Basel II và hơn một năm sau Basel III chính thức được ban hành nhằm khắc phục những yếu kém của Basel II.

Tương tự như Basel II, vốn tối thiểu vẫn là tiêu chuẩn quan trọng nhất trong Basel III với việc tăng cường cao hơn các yêu cầu về vốn tối thiểu bao gồm cả số lượng và chất lượng vốn, mức độ bảo hiểm rủi ro, tỷ lệ đòn bẩy. Tuy nhiên, kinh nghiệm khủng hoảng tài chính 2008 cho thấy rất nhiều ngân hàng dù duy trì

được mức vốn tối thiểu vẫn lâm vào tình trạng khó khăn do không đảm bảo được khả năng thanh khoản (Basel, 2011). Điều này cho thấy, nguồn vốn thanh khoản cũng có tầm quan trọng đặc biệt cần chú ý. Mặc dù quản trị thanh khoản là hoạt động đã quá quen thuộc đối với các ngân hàng, nhưng trước Basel III, vẫn chưa có một tiêu chuẩn quốc tế nào quy định cụ thể về thanh khoản. Vì vậy, Ủy ban Basel đã đưa vào hai tiêu chuẩn liên quan đến thanh khoản vào Basel III là tỷ lệ đảm bảo thanh khoản (Liquidity coverage ratio - LCR) và tỷ lệ quỹ bình ổn ròng (Net

stable funding ratio - NSFR).

Ở Việt Nam, cùng với tiêu chuẩn vốn tối thiểu, tiêu chuẩn thanh khoản cũng được đề cập rất sớm khi ban hành quy chế bảo đảm an toàn trong kinh doanh tiền tệ - tín dụng đối với tổ chức tín dụng theo Quyết định 107/QĐ-NH ngày 9/6/1992 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Tuy nhiên, chỉ tiêu bảo đảm khả năng chi trả theo Quy chế này khá đơn giản. Chỉ tiêu này sau đó được bổ sung, sửa đổi theo Quyết định 297/1999/QĐ-NHNN ngày 25/8/1999 rồi cụ thể hơn theo Quyết định 457/2005/QĐ-NHNN ngày 19/4/2005 và đặt ra các yêu cầu cao hơn, trong đó có việc phải xây dựng mô hình đánh giá và thử nghiệm khả năng dự trữ, thanh khoản (Stress-testing) theo quy định của Thông tư 13/2010/TT-NHNN ngày 20/5/2010 với hai chỉ tiêu liên quan đến tỷ lệ giữa tài sản và nợ. Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 (TT36) tiếp tục những sửa đổi quy định về thanh khoản với hai chỉ tiêu là khả năng chi trả trong 30 ngày và tỷ lệ dự trữ thanh khoản.

Mặc dù Việt Nam hiện nay chỉ đang đặt mục tiêu đáp ứng tiêu chuẩn Basel II trong ba năm tới theo tinh thần của Công văn 1601/NHNN-TTGSNH ngày 17/3/2014, tuy nhiên, vì hạn chế của Basel II là chưa đưa ra các chỉ tiêu thanh khoản nên trong thời gian tới, một mặt, về chỉ tiêu an toàn vốn, sẽ vẫn chỉ dừng lại ở mức theo đuổi tiêu chuẩn Basel II, nhưng mặt khác, về chỉ tiêu thanh khoản sẽ cần thiết phải dựa trên nền tảng, tiêu chuẩn đã bổ sung ở Basel III.

2. Tiêu chuẩn Basel III về thanh khoản

Với việc ban hành hai tiêu chuẩn LCR, NSFR bổ sung vào các nguyên tắc để quản trị và giám sát rủi ro thanh khoản lành mạnh, Ủy ban Basel kỳ vọng sẽ giúp các ngân hàng tăng cường được khả năng chống đỡ rủi ro thanh khoản cả trong ngắn hạn lẫn dài hạn, vì hai mục tiêu này, tuy tách biệt, nhưng bổ trợ lẫn nhau (Basel, 2013). LCR được thiết lập nhằm tăng cường khả năng chống đỡ của các ngân hàng thông qua các nguồn thanh khoản chất lượng cao để vượt qua thời kỳ khó khăn trong ngắn hạn, trong khi đó, NSFR nhằm tăng cường khả năng chống đỡ của các ngân hàng về dài hạn thông qua việc tạo thêm các động cơ để các ngân hàng huy động vốn từ các nguồn ổn định hơn trên cơ sở ngân hàng vẫn tiếp tục hoạt động bình thường.

$$LCR = \frac{\text{Các tài sản thanh khoản chất lượng cao}}{\text{Tổng dòng tiền ra ròng trong 30 ngày tiếp theo}} \geq 100\%$$

Tài sản thanh khoản chất lượng cao (High-quality liquid assets-HQLA) là tài sản có thể chuyển đổi ngay lập tức thành tiền mặt mà không bị mất hay bị mất rất ít giá trị. Để được xem là HQLA các tài sản phải có tính thanh khoản cao trên thị trường trong giai đoạn khủng hoảng, đồng thời phải thỏa mãn các yêu cầu về các đặc điểm cơ bản và đặc điểm thị trường. Đặc điểm cơ bản là các tài sản có rủi ro tín dụng thấp; có thể định giá dễ dàng và chính xác; có tương quan thấp với tài sản có rủi ro và phải được niêm yết trên các thị trường uy tín và đã phát triển. Đặc điểm thị trường là các tài sản được giao dịch trên

thị trường đủ lớn, khối lượng giao dịch cao; có sự hiện diện của các bên tạo lập thị trường uy tín; mức độ tập trung thị trường thấp; và các tài sản phải chứng minh được chất lượng của mình trong trường hợp khủng hoảng hệ thống qua các dữ liệu quá khứ. HQLA được chia thành tài sản cấp 1 và tài sản cấp 2. Tài sản cấp 1 có thể được thêm vào dự trữ các tài sản thanh khoản chất lượng cao của ngân hàng không giới hạn trong khi tài sản cấp 2 chỉ được chiếm tối đa 40% HQLA.

Tổng dòng tiền ra ròng được xác định bằng hiệu số giữa tổng dòng tiền ra dự tính và tổng dòng tiền vào dự tính. Dòng tiền ra được tính theo giả định rút vốn (run-off) căn cứ vào bản chất của nó. Lượng dòng tiền vào để bù đắp dòng tiền ra được giới hạn tối đa bằng 75% dòng tiền ra. Điều này có nghĩa là các ngân hàng phải duy trì HQLA tối thiểu bằng 25% dòng tiền ra bất kể dòng tiền mặt vào là bao nhiêu (Basel, 2013).

$$NSFR = \frac{\text{Lượng vốn ổn định sẵn có (ASF)}}{\text{Lượng vốn ổn định cần thiết (RSF)}} \geq 100\%$$

NSFR quy định nguồn vốn tối thiểu có thể huy động từ các quỹ ổn định cũng như nhu cầu vốn cho các khoản thanh khoản dự phòng phát sinh từ tài sản và các cam kết ngoại bảng trong khoảng thời gian một năm (tức là trong dài hạn, so với 30 ngày của LCR). Tỷ lệ này nhằm hạn chế sự phụ thuộc quá mức vào các nguồn vốn ngắn hạn từ các kênh huy động chính trong giai đoạn thị trường thanh khoản cao và giúp đánh giá chính xác hơn rủi ro thanh khoản của các khoản mục nội, ngoại bảng.

Lượng vốn ổn định sẵn có (ASF) là lượng vốn dự kiến sẽ ổn định trong một khoản thời gian nhất định, thường trong một năm. Lượng vốn ổn định cần thiết (RSF) phụ thuộc vào đặc điểm thanh khoản và kỳ hạn còn lại của tài sản mà tổ chức đó nắm giữ và đặc điểm thanh khoản và kỳ hạn còn lại của giá trị của các khoản mục ngoại bảng.

Để tính ASF, các ngân hàng phải xếp giá trị sổ sách của tất cả các loại vốn và nợ vào một trong năm nhóm theo kỳ hạn và khả năng rút vốn. Từng nhóm trong năm nhóm này có thừa số ASF tương ứng (100%, 95%, 90%, 50% và 0%) thể hiện tỷ trọng vốn và tài sản nợ trong nhóm đó. RSF cũng được tính theo nguyên tắc tương tự nhưng

được chia làm 8 nhóm với thừa số lần lượt là (0%, 5%, 10%, 15%, 50%, 65%, 85%, 100%) (Basel, 2013).

3. Đối sánh tiêu chuẩn thanh khoản của Việt Nam với tiêu chuẩn Basel III

3.1. Khả năng chi trả trong 30 ngày

$$\text{Khả năng chi trả trong 30 ngày} = \frac{\text{Tài sản có tính thanh khoản}}{\text{Dòng tiền ra ròng trong 30 ngày tiếp theo}}$$

- Về hình thức và ý nghĩa: Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày của Việt Nam có cùng công thức tính và ý nghĩa như chỉ tiêu LCR, tuy nhiên, nếu như LCR phải đạt tối thiểu 60% (2015), 70% (2016), 80% (2017), 90% (2018), 100% (2019) và không

phân biệt loại tài sản thì TT36 phân biệt làm hai nhóm với yêu cầu các ngân hàng thương mại chỉ cần đảm bảo tối thiểu 50% đối với VND và 10% đối với ngoại tệ. Như vậy, chỉ xét về hình thức yêu cầu, tiêu chuẩn về khả năng chi trả trong 30 ngày chưa đáp ứng được tiêu chuẩn LCR của Basel III do quy định tỷ lệ thấp hơn.

- Về tài sản có tính thanh khoản cao (Bảng 1)

- Về dòng tiền ra ròng trong 30 ngày tiếp theo (Bảng 2)

Như vậy, về ý nghĩa, tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày theo quy định của TT36 là tương đồng với LCR của Basel III nhưng về yêu cầu cụ thể thì TT36 vẫn còn thấp hơn so với Basel III. Đi sâu phân tích vào kỹ thuật tính toán

Bảng 1: Đối sánh về tài sản có tính thanh khoản cao

Tiêu chí	Basel III	TT36	Đánh giá
Nguyên tắc chung	Tài sản có tính thanh khoản cao	Tài sản có tính thanh khoản cao	Tương đồng/Đáp ứng Basel III
Phân nhóm tài sản thanh khoản	Chia làm 2 nhóm: - Tài sản cấp 1: Không giới hạn giá trị - Tài sản cấp 2: Đưa vào tối đa không quá 40% tổng HQLA	Không chia nhóm, không đặt ra tỷ lệ giới hạn giá trị đưa vào	Chưa đáp ứng Basel III
Chi tiết xác định	- Tài sản cấp 1: + Tiền mặt; + Dự trữ tại ngân hàng trung ương; + Chứng khoán có thể giao dịch được trên thị trường; + Một số loại chứng khoán nợ chính phủ hoặc ngân hàng trung ương thỏa một số điều kiện - Tài sản cấp 2 (tỷ lệ hiệu chỉnh từ 15%) + Cấp 2A: Một số loại chứng khoán nợ chính phủ hoặc ngân hàng trung ương; Chứng khoán nợ doanh nghiệp và trái phiếu có bảo đảm. + Cấp 2B: Do quốc gia quy định	- Tiền mặt, vàng - Tiền gửi tại NHNN - Các loại giấy tờ có giá được sử dụng trong các giao dịch của NHNN - Tiền trên tài khoản thanh toán tại các ngân hàng đại lý, trừ các khoản đã cam kết cho mục đích thanh toán cụ thể - Tiền gửi không kỳ hạn tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác ở trong nước và nước ngoài - Các loại trái phiếu, tín phiếu do Chính phủ các nước có mức xếp hạng từ AA trở lên phát hành hoặc bảo lãnh thanh toán	Chưa đáp ứng Basel III - Basel III không cho tính tiền gửi tại các ngân hàng đối tác - Tài sản cấp 2B phải hiệu chỉnh với tỷ lệ 15% đồng thời phải đảm bảo nguyên tắc tổng giá trị cấp 2 không quá 2/3 tài sản cấp 1.

Bảng 2: Đối sánh về dòng tiền ra trong 30 ngày tiếp theo

Tiêu chí	Basel III	TT36	Đánh giá
Nguyên tắc chung	Xác định bằng hiệu số giữa tổng dòng tiền ra dự tính và tổng dòng tiền vào dự tính	Xác định bằng hiệu số giữa tổng dòng tiền ra dự tính và tổng dòng tiền vào dự tính	Tương đồng/Đáp ứng Basel III
Kỹ thuật tính	- Dòng tiền ra ròng dự tính = Dòng tiền ra dự tính - Min (Dòng tiền vào dự tính, 75% dòng tiền ra dự tính) - Dòng tiền ra ròng dự tính $\geq$ 25% dòng tiền ra dự tính	Dòng tiền ra ròng dự tính = Dòng tiền ra dự tính - Dòng tiền vào dự tính	Chưa đáp ứng Basel III Basel III có kỹ thuật chặn phức tạp hơn để đảm bảo "dòng tiền ra ròng dự tính" không thấp hơn 25% dòng tiền ra dự tính bất kể dòng tiền vào là bao nhiêu nhằm ngăn các ngân hàng dùng kỹ thuật hạch toán để làm giảm giá trị dòng tiền ra dự tính
Chi tiết xác định	Phân nhóm tài sản, nợ dùng để xác định dòng tiền ra, dòng tiền vào và ấn định tỷ lệ (từ 5% đến 100%) giá trị hạch toán trên sổ sách	Không phân nhóm tài sản, nợ. Xác định dòng tiền ra, dòng tiền bằng giá trị hạch toán trên sổ sách	Chưa đáp ứng Basel III Quy định của TT36 thiếu chặt chẽ, chưa tính đến rủi ro của dòng tiền

chi tiết, tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày được tính toán còn đơn giản, chưa tính đến rủi ro của tài sản và rủi ro của dòng tiền, chưa sử dụng kỹ thuật đặt ra giới hạn chặn để ngăn ngừa các ngân hàng dùng kỹ thuật hạch toán để tìm cách tăng chỉ tiêu.

3.2. Tỷ lệ dự trữ thanh khoản

$$\text{Tỷ lệ dự trữ thanh khoản} = \frac{\text{Tài sản có tính thanh khoản}}{\text{Tổng nợ phải trả}}$$

Về tên gọi, tỷ lệ dự trữ thanh khoản khá giống với tỷ lệ đảm bảo thanh khoản (LCR) nhưng công thức tính thì khác. Tỷ lệ dự trữ thanh khoản hướng đến việc đánh giá khả năng thanh khoản dài hạn (thay vì chỉ 30 ngày như LCR hoặc tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày) tương tự như mục tiêu của chỉ tiêu NSFR. Tuy nhiên, công thức tính và ý nghĩa cụ thể của tỷ lệ dự trữ thanh khoản có sự khác biệt lớn so với NSFR.

Mặc dù tỷ lệ dự trữ thanh khoản khắc phục được hạn chế của tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày khi đánh giá được khả năng thanh khoản ở tầm nhìn dài hơn, tuy nhiên, hạn chế của chỉ tiêu này là dùng giá trị của tài sản sẵn có tính thanh khoản cao để so sánh với giá trị của tổng nợ mà không phân biệt kỳ hạn tương ứng của nợ. Nói khác đi, giữa tử số và mẫu số của tỷ lệ dự trữ thanh khoản chưa đảm bảo được sự tương xứng đúng nghĩa về kỳ hạn. Trong khi đó NSFR đảm bảo tính tương xứng kỳ hạn giữa tử số (lượng vốn ổn định sẵn có, tính cho kỳ hạn 1 năm) với mẫu số (lượng vốn ổn định cần thiết, tính cho kỳ hạn 1 năm). Với cách tính này, NSFR sẽ đánh giá chính xác hơn rủi ro thanh khoản cho cả các khoản mục nội bảng, ngoại bảng và sẽ buộc các ngân hàng hạn chế phụ

thuộc quá mức vào nguồn vốn ngắn hạn từ các kênh huy động chính trong giai đoạn thị trường thanh khoản cao (thường trong giai đoạn thị trường thanh khoản cao sẽ rất dễ huy động nên các ngân hàng gia tăng tỷ lệ huy động các nguồn vốn ngắn hạn – đây sẽ là nguồn vốn dễ dàng đảo chiều gây bất ổn khi thị trường thanh khoản kém, vì vậy, hạn chế được việc phụ thuộc quá lớn vào nguồn vốn ngắn hạn sẽ giúp ngân hàng ổn định hơn, đảm bảo được thanh khoản khi thị trường bất ổn) (Wignall A. & Atkinson P.E., 2010).

Tóm lại, tỷ lệ dự trữ thanh khoản chỉ bổ sung thêm cùng với tỷ lệ khả năng chi trả trong vòng 30 ngày để giúp khái quát được khả năng thanh khoản dài hơn 30 ngày nhưng chưa thể đánh giá đầy đủ, toàn diện khả năng thanh khoản dài hạn (1 năm) nhất là khi ngân hàng phải đối mặt với tình trạng bất ổn của thị trường. Như vậy, tỷ lệ dự trữ thanh khoản chưa đáp ứng được quy định của tỷ lệ quỹ ổn định ròng NSFR của Basel III. Nói khác đi, NSFR chưa được đề cập đến trong quy định thanh khoản ở Việt Nam.

5. Kết luận và khuyến nghị

TT36 và các quy định trước đó cho thấy Việt Nam đã rất quan tâm, nhìn nhận đúng tầm quan trọng của rủi ro thanh khoản khi liên tục cập nhật, sửa đổi, bổ sung các quy định, chỉ tiêu đánh giá khả năng chi trả, khả năng thanh khoản theo hướng ngày càng chặt chẽ hơn, tiếp cận tốt hơn các quy định được Ủy ban Basel ban hành. Tuy nhiên, vẫn còn một khoảng cách giữa quy định của Việt Nam và quy định của Basel, đặt biệt là Basel III.

Để hệ thống ngân hàng Việt Nam đáp ứng tốt hơn các tiêu chuẩn thanh khoản, cần sớm triển khai sửa đổi quy định về tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày theo hướng có thể ấn định tỷ lệ thấp hơn Basel III thậm chí có thể thấp hơn quy định hiện nay nhưng cần quy định rõ lộ trình nâng dần tỷ lệ này lên theo hướng tiệm cận với tiêu chuẩn Basel III. Tuy nhiên, cần điều chỉnh quy định kỹ thuật xác định giá trị tài sản có tính thanh khoản cao, dòng tiền ra trong 30 ngày tiếp theo để đảm bảo có tính đến rủi ro của tài sản và rủi ro của dòng tiền, ngăn ngừa các ngân hàng dùng kỹ thuật hạch toán để làm sai lệch số liệu nhằm tăng tỷ lệ lên cao. Ngoài ra, có thể thay thế chỉ tiêu tỷ lệ đảm bảo thanh khoản bằng chỉ tiêu mới tương tự như chỉ tiêu NSFR mà Basel III đã quy định. Cùng với các vấn đề trên cần sớm ban hành quy định thống nhất về phương pháp đo lường, cung cấp thông tin tối thiểu mà các ngân hàng phải tuân thủ để giúp gia tăng hiệu quả của cơ quan giám sát bao gồm cả giám sát tuân thủ và giám sát phòng ngừa. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Basel Committee on Banking Supervision (2011), Basel III: A global regulatory framework for more resilient banks and banking system, Bank for International Settlements
2. Basel Committee on Banking Supervision (2013), Basel III: International framework for liquidity risk measurement, standards, and monitoring, Bank for International Settlements
3. Blundell-Wignall A., Atkinson P.E. (2010), 'Thinking beyond Basel III: necessary solutions for capital and liquidity', Financial Market Trends, issue 1, OECD.
4. Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
5. Công văn 1601/NHNN-TTGSNNH ngày 17/3/2014 của Ngân hàng Nhà nước về việc triển khai thực hiện quy định an toàn vốn theo Basel II.